

Số: 3091 /QĐ-UBND

Hải Phòng, ngày 04 tháng 10 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành,
sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ lĩnh vực khoa học và công nghệ
trên địa bàn thành phố Hải Phòng**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 về kiểm soát thủ tục hành chính; Số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 và số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018;

Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ: số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính; số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ các Quyết định của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ: Số 1564/QĐ-BKHCN ngày 21/7/2023 về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành/bị bãi bỏ trong lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ; Số 1595/QĐ-BKHCN ngày 25/7/2023 về việc công bố thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ; Số 1668/QĐ-BKHCN ngày 01/8/2023 về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành/bị bãi bỏ trong lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ; Số 1915/QĐ-BKHCN ngày 28/8/2023 về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ và hạt nhân thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ; Số 2105/QĐ-BKHCN ngày 18/9/2023 về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 98/TTr-SKHCHN ngày 22/9/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo quyết định này danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ và lĩnh vực năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ và hạt nhân trên địa bàn thành phố Hải Phòng (có danh mục kèm theo).

Điều 2. Giao Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức thực hiện công khai danh mục và nội dung thủ tục hành chính lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ, lĩnh vực năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ và hạt nhân đang còn hiệu lực trên địa bàn thành phố Hải Phòng; xây dựng quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính và cập nhật trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của thành phố theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, phường, xã, thị trấn trên địa bàn thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- VPCP (Cục KSTTHC);
- Bộ KH&CN;
- TTTU, TT HĐND TP;
- CT, các PCT UBND TP;
- CVP, các PCVP UBND TP;
- Đài PTTHHP, Báo HP;
- Công TTĐTTP;
- Các Phòng: KSTTHC, VX, NC&KTGS;
- Lưu: VT, KSTTHC5.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Tùng

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH
TRONG LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 3091/QĐ-UBND ngày 04/10/2023
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)

A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ
I. THẨM QUYỀN UBND THÀNH PHỐ

STT	Tên thủ tục hành chính	Tên Văn bản QPPL quy định nội dung bãi bỏ	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
1	Thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước	Thông tư số 06/2023/TT-BKHCN ngày 25/5/2023 quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước	Hoạt động khoa học và công nghệ	UBND thành phố
2	Thủ tục công nhận kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do tổ chức, cá nhân tự đầu tư nghiên cứu	Thông tư số 14/2023/TT-BKHCN ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Biểu mẫu hồ sơ thực hiện thủ tục hành chính quy định tại một số điều của Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ		
3	Thủ tục hỗ trợ kinh phí, mua kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do tổ chức, cá nhân tự đầu tư nghiên cứu			
4	Thủ tục mua sáng chế, sáng kiến			

II. THẨM QUYỀN SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

STT	Tên thủ tục hành chính	Tên Văn bản QPPL quy định nội dung bãi bỏ	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
1	Đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước và nhiệm vụ khoa học và công nghệ do quỹ của Nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ tài trợ thuộc phạm vi quản lý của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Thông tư số 11/2023/TT-BKHCN ngày 26 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 14/2014/TT-BKHCN ngày 11 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ và Thông tư số 10/2017/TT-BKHCN ngày 28 tháng 6 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về xây dựng, quản lý, khai thác, sử dụng, duy trì và phát triển Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ.	Hoạt động khoa học và công nghệ	Tổ chức thực hiện chức năng đầu mối thông tin khoa học và công nghệ cấp tỉnh (Trung tâm Thông tin thống kê Khoa học và Công nghệ thành phố Hải Phòng)
2	Đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước			
3	Đăng ký thông tin kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được mua bằng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương			

B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

I. THẨM QUYỀN UBND THÀNH PHỐ

STT	Mã số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Cách thức thực hiện ngoài nộp hồ sơ, trả kết quả trực tiếp		Căn cứ pháp lý
						Dịch vụ công trực tuyến	Dịch vụ bưu chính công ích	
1	1.011812	Thủ tục công nhận kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do tổ chức, cá nhân tự đầu tư nghiên cứu	22 ngày làm việc	UBND thành phố Hải Phòng	Không	Toàn trình	Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Luật Chuyển giao công nghệ 2017. - Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ. - Thông tư số 14/2023/TT-BKHCN ngày 30/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.
2	1.011814	Thủ tục hỗ trợ kinh phí, mua kết quả nghiên cứu	22 ngày làm việc	UBND thành phố Hải Phòng	Không	Toàn trình	Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Luật Chuyển giao công nghệ 2017. - Nghị định số 76/2018/NĐ-

		khoa học và phát triển công nghệ do tổ chức, cá nhân tự đầu tư nghiên cứu						CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ. - Thông tư số 14/2023/TT-BKHCN ngày 30/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.
3	1.011815	Thủ tục mua sáng chế, sáng kiến	22 ngày làm việc	UBND thành phố Hải Phòng	Không	Toàn trình	Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Luật Chuyển giao công nghệ 2017. - Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ. - Thông tư số 14/2023/TT-BKHCN ngày 30/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.
4	1.011816	Thủ tục hỗ trợ kinh phí hoặc mua công nghệ được tổ chức, cá nhân trong nước tạo ra từ kết quả nghiên cứu	22 ngày làm việc	UBND thành phố Hải Phòng	Không	Toàn trình	Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Luật Chuyển giao công nghệ 2017. - Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ. - Thông tư số 14/2023/TT-

		cứu khoa học và phát triển công nghệ để sản xuất sản phẩm quốc gia, trọng điểm, chủ lực						BKHCN ngày 30/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.
--	--	---	--	--	--	--	--	--

II. THẨM QUYỀN SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

STT	Mã số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Cách thức thực hiện ngoài nộp hồ sơ, trả kết quả trực tiếp		Căn cứ pháp lý
						<i>Dịch vụ công trực tuyến</i>	<i>Dịch vụ bưu chính công ích</i>	
1	1.011818	Đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước và	05 ngày làm việc	Sở Khoa học và Công nghệ (trực tiếp là Trung tâm Thông tin thống kê Khoa học và Công	Không	Toàn trình	Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Luật khoa học và công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013. - Nghị định số 11/2014/NĐ-CP ngày 18 tháng 02 năm 2014 của Chính phủ. - Thông tư

		nhiệm vụ khoa học và công nghệ do quỹ của Nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ tài trợ thuộc phạm vi quản lý của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.		nghệ thành phố Hải Phòng)				số 14/2014/TT-BKHCN ngày 11 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ. - Thông tư số 11/2023/TT-BKHCN ngày 26 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.
2	1.011820	Đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước.	05 ngày làm việc	Sở Khoa học và Công nghệ (trực tiếp là Trung tâm Thông tin thống kê Khoa học và Công nghệ thành phố Hải Phòng)	Không	Toàn trình	Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Luật khoa học và công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013. - Nghị định số 11/2014/NĐ-CP ngày 18 tháng 02 năm 2014 của Chính phủ. - Thông tư số 14/2014/TT-BKHCN ngày 11 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

								- Thông tư số 11/2023/TT-BKHCN ngày 26 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.
3	1.011819	Đăng ký thông tin kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được mua bằng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.	05 ngày làm việc	Sở Khoa học và Công nghệ (trực tiếp là Trung tâm Thông tin thống kê Khoa học và Công nghệ thành phố Hải Phòng)	Không	Toàn trình	Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Luật khoa học và công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013. - Nghị định số 11/2014/NĐ-CP ngày 18 tháng 02 năm 2014 của Chính phủ. - Thông tư số 14/2014/TT-BKHCN ngày 11 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ. - Thông tư số 11/2023/TT-BKHCN ngày 26 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

**C. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
(THẨM QUYỀN SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ)**

1. Lĩnh vực Năng lượng nguyên tử

STT	Mã số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Cách thức thực hiện ngoài nộp hồ sơ, trả kết quả trực tiếp		Căn cứ pháp lý
						<i>Dịch vụ công trực tuyến</i>	<i>Dịch vụ bưu chính công ích</i>	
01	2.002385	Thủ tục khai báo thiết bị X- quang chẩn đoán trong y tế	05 ngày làm việc	UBND thành phố (trực tiếp tại Sở Khoa học và Công nghệ)	Không	Toàn trình	Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Luật Năng lượng nguyên tử 2008. - Nghị định số 142/2020/NĐ- CP ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ. - Thông tư số 287/2016/TT- BTC ngày 15/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. - Thông tư số 02/2022/TT- BKHCN ngày 25/02/2022 của Bộ

								trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ. - Thông tư số 13/2023/TT-BKHCN ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và công nghệ.
02	2.002380	Thủ tục cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế	UBND thành phố (trực tiếp tại Sở Khoa học và Công nghệ)	25 ngày làm việc	- Phí thẩm định cấp giấy phép: + Sử dụng thiết bị X-quang chụp răng: 2.000.000 đồng/1 thiết bị. + Sử dụng thiết bị X-quang chụp vú: 2.000.000 đồng/1 thiết bị. + Sử dụng thiết bị X-quang di động: 2.000.000 đồng/1 thiết bị. + Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán thông thường: 3.000.000 đồng/1 thiết bị. + Sử dụng thiết bị	Toàn trình	Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Luật Năng lượng nguyên tử 2008. - Nghị định số 142/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ. - Thông tư số 287/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. - Thông tư số 02/2022/TT-BKHCN ngày 25/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ. - Thông tư số 13/2023/TT-

					đo mật độ xương: 3.000.000 đồng/1 thiết bị. + Sử dụng thiết bị X-quang tăng sống truyền hình: 5.000.000 đồng/1 thiết bị. + Sử dụng thiết bị X-quang chụp cắt lớp vi tính (CT Scanner): 8.000.000 đồng/ 1 thiết bị. + Sử dụng hệ thiết bị PET/CT: 16.000.000 đồng/1 thiết bị. - Lệ phí cấp giấy phép: Không.			BKHCN ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và công nghệ.
03	2.002381	Thủ tục gia hạn giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X- quang chẩn đoán trong y	UBND thành phố (trực tiếp tại Sở Khoa học và Công nghệ)	25 ngày làm việc	- Phí thẩm định cấp giấy phép: 75 % phí thẩm định cấp giấy phép mới. - Lệ phí cấp giấy phép: Không.	Toàn trình	Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Luật Năng lượng nguyên tử 2008. - Nghị định số 142/2020/NĐ- CP ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ. - Thông tư

		tế						số 287/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. - Thông tư số 02/2022/TT-BKHCN ngày 25/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ. - Thông tư số 13/2023/TT-BKHCN ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và công nghệ.
04	2.002382	Thủ tục sửa đổi giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế.	UBND thành phố (trực tiếp tại Sở Khoa học và Công nghệ)	10 ngày làm việc	Không.	Toàn trình	Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Luật Năng lượng nguyên tử 2008. - Nghị định số 142/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ. - Thông tư số 287/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

								- Thông tư số 02/2022/TT-BKHCN ngày 25/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ. - Thông tư số 13/2023/TT-BKHCN ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và công nghệ.
05	2.002383	Thủ tục bổ sung giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế	UBND thành phố (trực tiếp tại Sở Khoa học và Công nghệ)	25 ngày làm việc	Không.	Toàn trình	Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Luật Năng lượng nguyên tử 2008. - Nghị định số 142/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ. - Thông tư số 287/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. - Thông tư số 02/2022/TT-BKHCN ngày 25/02/2022 của Bộ

								trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ. - Thông tư số 13/2023/TT-BKHCN ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và công nghệ.
06	2.002384	Thủ tục cấp lại giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế	UBND thành phố (trực tiếp tại Sở Khoa học và Công nghệ)	10 ngày làm việc	Không.	Toàn trình	Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Luật Năng lượng nguyên tử 2008. - Nghị định số 142/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ. - Thông tư số 287/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. - Thông tư số 02/2022/TT-BKHCN ngày 25/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ. - Thông tư số 13/2023/TT-

								BKHCN ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và công nghệ.
07	2.002379	Thủ tục cấp Chứng chỉ nhân viên bức xạ (đối với người phụ trách an toàn cơ sở X-quang chẩn đoán trong y tế)	UBND thành phố (trực tiếp tại Sở Khoa học và Công nghệ)	10 ngày làm việc	- Phí: Không. - Lệ phí: 200.000 đồng/1 chứng chỉ.	Toàn trình	Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Luật Năng lượng nguyên tử 2008. - Nghị định số 142/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ. - Thông tư số 287/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. - Thông tư số 02/2022/TT-BKHCN ngày 25/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ. - Thông tư số 13/2023/TT-BKHCN ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và công nghệ.

2. Lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ

STT	Mã số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Cách thức thực hiện ngoài nộp hồ sơ, trả kết quả trực tiếp		Căn cứ pháp lý
						<i>Dịch vụ công trực tuyến</i>	<i>Dịch vụ bưu chính công ích</i>	
01	1.001786	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lần đầu cho tổ chức khoa học và công nghệ	15 ngày làm việc	Sở Khoa học và Công nghệ	Phí: 3.000.000 đồng.	Toàn trình	Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Luật khoa học và công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013; - Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ - Thông tư số 03/2014/TT-BKHCN ngày 31/3/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ - Thông tư số 298/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

								- Thông tư số 15/2023/TT-BKHCN ngày 26 tháng 7 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.
02	1.001747	Thay đổi, bổ sung nội dung Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ	10 ngày làm việc	Sở Khoa học và Công nghệ	Phí: - Đối với Thủ tục cấp Giấy chứng nhận trong trường hợp đăng ký thay đổi tên của tổ chức KH&CN: 1.000.000 Đồng. - Đối với Thủ tục cấp Giấy chứng nhận trong trường hợp đăng ký thay đổi tên cơ quan quyết định thành lập hoặc cơ quan quản lý trực tiếp của tổ chức KH&CN: 1.000.000 Đồng. - Đối với Thủ tục cấp Giấy chứng	Toàn trình	Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Luật Khoa học và Công nghệ; - Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ - Thông tư số 03/2014/TT-BKHCN ngày 31/3/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ - Thông tư số 298/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. - Thông tư số 15/2023/TT-BKHCN ngày 26 tháng 7 năm 2023

					nhận trong trường hợp đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính của tổ chức KH&CN: 1.500.000 Đồng. - Đối với Thủ tục cấp Giấy chứng nhận trong trường hợp đăng ký thay đổi vốn của tổ chức KH&CN: 1.500.000 Đồng. - Đối với Thủ tục cấp Giấy chứng nhận trong trường hợp đăng ký thay đổi người đứng đầu của tổ chức KH&CN: 1.000.000 Đồng. - Đối với Thủ tục cấp Giấy chứng nhận trong trường hợp đăng ký thay đổi, bổ sung lĩnh vực hoạt động KH&CN của tổ			của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.
--	--	--	--	--	--	--	--	---

					chức KH&CN: 2.000.000 Đồng.			
03	1.001716	Cấp Giấy chứng nhận hoạt động lần đầu cho văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ	15 ngày làm việc	Sở Khoa học và Công nghệ	Phí: 3.000.000 Đồng.	Toàn trình	Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Luật Khoa học và Công nghệ; - Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ - Thông tư số 03/2014/TT-BKHCN ngày 31/3/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ - Thông tư số 298/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. - Thông tư số 15/2023/TT-BKHCN ngày 26 tháng 7 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.
04	1.001677	Thủ tục thay đổi, bổ sung nội dung	10 ngày làm việc	Sở Khoa học và Công nghệ	- Đối với trường hợp trường hợp	Toàn trình	Nộp hồ sơ và trả	- Luật Khoa học và Công nghệ;

		Giấy chứng nhận hoạt động cho văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ.		Công nghệ	đăng ký thay đổi tên văn phòng đại diện, chi nhánh: 1.000.000 đồng. - Đối với trường hợp đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở văn phòng đại diện, chi nhánh: 1.500.000 đồng. - Đối với trường hợp đăng ký thay đổi người đứng đầu văn phòng đại diện, chi nhánh: 1.000.000 đồng. - Đối với trường hợp đăng ký thay đổi thông tin của tổ chức khoa học công nghệ ghi trên giấy chứng nhận hoạt động văn phòng đại diện, chi nhánh: 1.000.000 đồng.		kết quả	- Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ - Thông tư số 03/2014/TT-BKHCN ngày 31/3/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ - Thông tư số 298/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. - Thông tư số 15/2023/TT-BKHCN ngày 26 tháng 7 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.
--	--	--	--	-----------	--	--	---------	---



					- Đối với trường hợp đăng ký thay đổi, bổ sung lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ của văn phòng đại diện, chi nhánh: 2.000.000 đồng.			
--	--	--	--	--	--	--	--	--